

STT	Họ và Tên	Lớp	Tổng Số HS	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		Điểm từ Đạt trở lên		Ghi chú
				0 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Vũ Kiên Cường	C2	32	1	3.1	11	34.4	18	56.3	2	6.25	99	90.83	
		B1	42	4	9.5	31	73.8	7	16.7	0	0.00			
		B3	35	5	14.3	18	51.4	11	31.4	1	2.86			
2	Nguyễn Việt Khánh	A1	41	0	0.0	21	51.2	18	43.9	2	4.88	104	92.86	
		A4	36	6	16.7	20	55.6	10	27.8	0	0.00			
		B4	35	2	5.7	22	62.9	11	31.4	0	0.00			
3	Phạm Thị Trang	C4	28	0	0.0	11	39.3	15	53.6	2	7.14	65	98.48	
		A2	38	1	2.6	27	71.1	8	21.1	2	5.26			
4	Trần Thị Liên	C1	36	0	0.0	9	25.0	22	61.1	5	13.89	72	96.00	
		C3	39	3	7.7	8	20.5	26	66.7	2	5.13			
5	Tòng Minh Hòa	A3	38	1	2.6	21	55.3	16	42.1	0	0.00	105	94.59	
		A5	31	3	9.7	21	67.7	7	22.6	0	0.00			
		B2	42	2	4.8	25	59.5	14	33.3	1	2.38			
Tổng		K10	184	11	6.0	110	59.8	59	32.07	4	2.17	173	94.02	
		K11	154	13	8.4	96	62.3	43	27.92	2	1.30	141	91.56	
		K12	135	4	3.0	39	28.9	81	60.00	11	8.15	131	97.04	
		TT	473	28	5.9	245	51.8	183	38.69	17	3.59	445	94.08	

Nhóm Trưởng CM

Vũ Kiên Cường


Tổ Trưởng CM

Vũ Kiên Cường



STT	Họ và Tên	Lớp	Tổng Số HS	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		Điểm từ Đạt trở lên		Ghi chú
				0 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Vũ Văn Đông	C3	39	0	0.0	5	12.8	31	79.5	3	7.7	145	99.3	
		C4	28	0	0.0	1	3.6	26	92.9	1	3.6			
		A1	41	0	0.0	34	82.9	5	12.2	2	4.9			
		A2	38	1	2.6	24	63.2	12	31.6	1	2.6			
2	Hoàng Công Sùng	B1	42	3	7.1	16	38.1	23	54.8	0	0.0	81	96.4	
		B2	42	0	0.0	18	42.9	24	57.1	0	0.0			
Tổng		K10	79	1	1.3	58	73.4	17	21.5	3	3.8	78	98.7	
		K11	84	3	3.6	34	40.5	47	56.0	0	0.0	81	96.4	
		K12	67	0	0.0	6	9.0	57	85.1	4	6.0	67	100.0	
		TT	230	4	1.7	98	42.6	121	52.6	7	3.0	226	98.3	

Nhóm Trưởng CM


Vũ Văn Đông

Tổ Trưởng CM


Vũ Kiên Cường

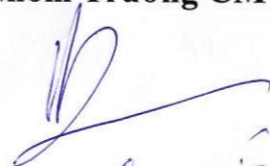
BAN GIÁM HIỆU


Nguyễn Trọng Trung

Môn: Hóa học

STT	Họ và Tên	Lớp	Tổng Số HS	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		Điểm từ Đạt trở lên		Ghi chú
				0 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Trần Thị Hiếu	C4	28	0	0.0	2	7.1	25	89.3	1	3.6	109	81.95	
		A3	38	7	18.4	20	52.6	11	28.9	0	0.0			
		A4	36	13	36.1	12	33.3	11	30.6	0	0.0			
		A5	31	4	12.9	21	67.7	6	19.4	0	0.0			
2	Tòng Văn Phương	B3	35	1	2.9	16	45.7	17	48.6	1	2.9	67	95.71	
		B4	35	2	5.7	21	60.0	12	34.3	0	0.0			
Tổng		K10	105	24	22.9	53	50.5	28	26.7	0	0.0	81	77.14	
		K11	70	3	4.3	37	52.9	29	41.4	1	1.4	67	95.71	
		K12	28	0	0.0	2	7.1	25	89.3	1	3.6	28	100.00	
		TT	203	27	13.3	92	45.3	82	40.4	2	1.0	176	86.70	

Nhóm Trưởng CM


Trần Thị Hiếu

Tổ Trưởng CM


Vũ Kiên Cường



BAN GIÁM HIỆU


Nguyễn Trọng Trung

Môn: Sinh học

STT	Họ và Tên	Lớp	Tổng Số HS	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		Điểm từ Đạt trở lên		Ghi chú
				0 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Ngô Quốc Ngọc	A1	41	2	4.9	23	56.1	14	34.1	2	4.9	74	93.67	
		A2	38	3	7.9	22	57.9	9	23.7	4	10.5			
		A3	38	3	7.9	19	50.0	16	42.1	0	0.0			
		A4	36	7	19.4	14	38.9	13	36.1	2	5.6			
		A5	31	0	0.0	15	48.4	15	48.4	1	3.2			
		B1	42	3	7.1	22	52.4	16	38.1	1	2.4			
		B2	42	1	2.4	13	31.0	26	61.9	2	4.8			
		B3	35	0	0.0	9	25.7	24	68.6	2	5.7			
		B4	35	3	8.6	19	54.3	13	37.1	0	0.0			
		C1	36	0	0.0	0	0.0	10	27.8	26	72.2			
		C2	32	1	3.1	0	0.0	10	31.3	21	65.6			
		C4	28	0	0.0	4	14.3	24	85.7	0	0.0			
Tổng		K10	184	15	8.2	93	50.5	67	36.4	9	4.9	169	91.85	
		K11	154	7	4.5	63	40.9	79	51.3	5	3.2	147	95.45	
		K12	96	1	1.0	4	4.2	44	45.8	47	49.0	95	98.96	
		TT	434	23	5.3	160	36.9	190	43.8	61	14.1	411	94.70	

Nhóm Trưởng CM

Ngô Quốc Ngọc

Tổ Trưởng CM

Vũ Kiên Cường



BAN GIÁM HIỆU

Nguyễn Trọng Trung

TRƯỜNG THPT MƯỜNG NHÀ
TỔ KHOA HỌC XÃ HỘI

BÁO CÁO CHẤT LƯỢNG MÔN HỌC

Năm học: 2024 - 2025

Môn: Ngữ văn

STT	Họ và Tên	Lớp	Tổng Số HS	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		Điểm từ Đạt trở lên		Ghi chú
				0 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Trần Thị Thuý	C1	36	0	0.0	20	55.6	16	44.4	0	0.0	91	88.3	
		A4	36	7	19.4	18	50.0	11	30.6	0	0.0			
		A5	31	5	16.1	24	77.4	2	6.5	0	0.0			
2	Tòng Thị Thu Hoài	C3	39	3	7.7	12	30.8	22	56.4	2	5.1	101	85.6	
		A1	41	6	14.6	19	46.3	16	39.0	0	0.0			
		A3	38	8	21.1	24	63.2	6	15.8	0	0.0			
4	Nguyễn Hồng Diễm	B1	42	0	0.0	38	90.5	4	9.5	0	2.4	105	100	
		B4	35	0	0.0	31	88.6	3	8.6	1	0.0			
		C4	28	0	0.0	17	60.7	11	39.3	0	7.1			
5	Trần Thị Vân Anh	A2	38	3	7.9	28	73.7	5	13.2	2	5.3	139	94.56	
		B2	42	2	4.8	36	85.7	4	9.5	0	0			
		B3	35	2	5.7	26	74.3	6	17.1	1	2.9			
		C2	32	1	3.1	21	65.6	10	31.3	0	0			
Tổng		K10	184	29	15.8	113	61.4	40	21.7	2	1.1	155	84.24	
		K11	154	4	2.6	131	85.1	17	11.0	2	1.3	150	97.40	
		K12	135	4	3.0	70	51.9	59	43.7	2	1.5	131	97.04	
		TT	473	37	7.8	314	66.4	116	24.5	6	1.3	436	92.18	

Nhóm Trưởng CM

Trần T. Vân Anh

Tổ Trưởng CM

Nguyễn Thị Bình




BAN GIÁM HIỆU

Nguyễn Trọng Trung

Môn: Lịch sử

STT	Họ và Tên	Lớp	Tổng Số HS	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		Điểm từ Đạt trở lên		Ghi chú
				0 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Lương Thu Trang	A1	41	0	0.0	8	19.5	27	65.9	6	14.6	338	100.00	
		A2	38	0	0.0	10	26.3	22	57.9	6	15.8			
		A3	38	0	0.0	17	44.7	21	55.3	0	0			
		A4	36	0	0.0	22	61.1	13	36.1	1	2.8			
		A5	31	0	0.0	12	38.7	19	61.3	0	0			
		B1	42	0	0.0	7	16.7	33	78.6	2	4.8			
		B2	42	0	0.0	11	26.2	30	71.4	1	2.4			
		B3	35	0	0.0	10	28.6	22	62.9	3	8.6			
2	Nguyễn Thị Cảnh	C1	36	0	0.0	7	19.4	25	69.4	4	11.1	134	99.26	
		C2	32	0	0.0	8	25.0	21	65.6	3	9.4			
		C3	39	1	2.6	18	46.2	18	46.2	2	5.1			
		C4	28	0	0.0	4	14.3	18	64.3	6	21.4			
Tổng		K10	184	0	0.0	69	37.5	102	55.4	13	7.1	184	100.00	
		K11	151	0	0.0	60	39.7	86	57.0	5	3.3	151	100.00	
		K12	135	1	0.7	37	27.4	82	60.7	15	11.1	134	99.26	
		TT	470	1	0.2	166	35.3	270	57.4	33	7.0	469	99.79	

Nhóm Trưởng CM


Nguyễn Thị Cảnh

Tổ Trưởng CM


Nguyễn Thị Cảnh

BAN GIÁM HIỆU


Nguyễn Trọng Trung

TRƯỜNG THPT MƯỜNG NHÀ
TỔ KHOA HỌC XÃ HỘI

BÁO CÁO CHẤT LƯỢNG MÔN HỌC

Năm học: 2024 - 2025

Môn: Địa lí

STT	Họ và Tên	Lớp	Tổng Số HS	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		Điểm từ Đạt trở lên		Ghi chú
				0 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Lò Thị Dung	C1	36	0	0	2	5.56	33	91.67	1	2.78	67	98.53	
		C2	32	1	3.13	6	18.75	24	75	1	3.13			
		C3	39	0	0	9	23.08	30	76.92	0	0			
		B3	35	1	2.86	17	48.57	15	42.86	2	5.71			
		B4	35	4	11.43	13	37.14	17	48.57	1	2.86			
		A3	38	8	21.05	15	39.47	14	36.84	1	2.63			
		A4	36	6	16.67	20	55.56	10	27.78	0	0			
		A5	31	3	9.68	17	54.84	8	25.81	3	9.68			
Tổng		K10	105	17	16.19	52	49.52	32	30.48	4	3.81	88	83.81	
		K11	70	5	7.14	30	42.86	32	45.71	3	4.29	65	92.86	
		K12	107	1	0.93	17	15.89	87	81.31	2	1.87	106	99.07	
		TT	282	23	8.16	99	35.11	151	53.55	9	3.19	259	91.84	

Nhóm Trưởng CM

[Signature]
Đỗ Thị Dung

Tổ Trưởng CM

[Signature]
Nguyễn Đức Hải

BAN GIÁM HIỆU
[Signature]

Nguyễn Trọng Trung

Môn: Tiếng anh

STT	Họ và Tên	Lớp	Tổng Số HS	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		Điểm từ Đạt trở lên		Ghi chú
				0 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Vũ Thị Huyền	C2	32	1	3.1	20	62.5	11	34.4	0	0.0	220	97.8	
		C3	39	2	5.1	28	71.8	9	23.1	0	0.0			
		B1	42	2	4.8	34	81.0	6	14.3	0	0.0			
		B2	42	0	0.0	40	95.2	2	4.8	0	0.0			
		B3	35	0	0.0	5	14.3	29	82.9	1	2.9			
		B4	35	0	0.0	32	91.4	3	8.6	0	0.0			
2	Nguyễn Tiểu Phong	C1	36	0	0.0	0	0.0	33	91.7	3	8.3	243	98	
		C4	28	0	0.0	15	53.6	12	42.9	1	3.6			
		A1	41	0	0.0	29	70.7	12	29.3	0	0.0			
		A2	38	0	0.0	28	73.7	10	26.3	0	0.0			
		A3	38	1	2.6	32	84.2	5	13.2	0	0.0			
		A4	36	2	5.6	30	83.3	4	11.1	0	0.0			
		A5	31	2	6.5	25	80.6	4	12.9	0	0.0			
Tổng		K10	184	5	2.7	144	78.3	35	19.0	0	0.0	179	97.3	
		K11	154	2	1.3	111	72.1	40	26.0	1	0.6	152	98.7	
		K12	135	3	2.2	63	46.7	65	48.1	4	3.0	132	97.8	
		TT	473	10	2.1	318	67.2	140	29.6	5	1.1	463	97.9	

Nhóm Trưởng CM

Nguyễn Tiểu Phong

Tổ Trưởng CM

Nguyễn Thị Hằng

BAN GIÁM HIỆU
TRƯỜNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
MƯỜNG NHÀ
H. ĐIỆN BIÊN
Nguyễn Trọng Trung


TRƯỜNG THPT MƯỜNG NHÀ
TỔ KHOA HỌC XÃ HỘI

BÁO CÁO CHẤT LƯỢNG MÔN HỌC
Năm học: 2024 - 2025


Môn: KTPL

STT	Họ và Tên	Lớp	Tổng Số HS	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		Điểm từ Đạt trở lên		Ghi chú
				0 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Sùng A Sính	C1	36	0	0.0	0	0.0	25	69.4	11	30.60	189	98.95	
		C2	32	1	3.1	0	0.0	21	65.6	10	31.25			
		C3	39	1	2.6	6	15.4	27	69.2	5	12.80			
		B1	42	0	0.0	10	23.8	28	66.7	4	9.50			
		B2	42	0	0.0	5	11.9	31	73.8	6	14.30			
2	Tòng Thị Thu Hoài	A1	41	6	14.6	19	46.3	16	39.0	0	0.00	73	92.41	
		A2	38	0	0.0	18	47.4	20	52.6	0	0.00			
Tổng		K10	79	6	14.6	37	46.8	36	45.6	0	0.00	73	92.41	
		K11	84	0	0.0	15	17.9	59	70.2	10	11.90	84	100.00	
		K12	107	2	5.7	6	5.6	73	68.2	26	24.30	105	98.13	
		TT	270	8	20.3	58	21.5	168	62.2	36	13.33	262	97.04	

Nhóm Trưởng CM


Sùng A Sính

Tổ Trưởng CM


Nguyễn Thị Hằng

BAN GIÁM HIỆU



Nguyễn Trọng Trung


Môn: Tin học

STT	Họ và Tên	Lớp	Tổng Số HS	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		Điểm từ Đạt trở lên		Ghi chú
				0 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Đặng Minh Thương	C3	39	0	0.0	5	12.8	30	76.9	4	10.26	175	100	
		C4	28	0	0.0	0	0.0	27	96.4	1	3.57			
		B3	35	0	0.0	8	22.9	24	68.6	3	8.57			
		B4	35	0	0.0	6	17.1	29	82.9	0	0.00			
		A3	38	0	0.0	8	21.1	29	76.3	1	2.63			
2	Cà Mai Tân	A4	36	0	0.0	4	11.1	30	83.3	2	5.56	67	100	
		A5	31	0	0.0	0	0.0	30	96.8	1	3.23			
Tổng		K10	105	0	0.0	12	11.4	89	84.8	4	3.81	105	100.00	
		K11	70	0	0.0	14	20.0	53	75.7	3	4.29	70	100.00	
		K12	67	0	0.0	5	7.5	57	85.0	5	7.46	67	100.00	
		TT	242	0	0.0	31	12.8	199	82.2	12	4.96	242	100.00	



Nhóm Trưởng CM


Đặng Minh Thương

Tổ Trưởng CM


Vũ Kiên Cường

BAN GIÁM HIỆU



Nguyễn Trọng Trung

TRƯỜNG THPT MƯỜNG NHÀ
TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BÁO CÁO CHẤT LƯỢNG MÔN HỌC

Năm học: 2024 - 2025

Môn: HDTN&HN

STT	Họ và Tên	Lớp	Tổng Số HS	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		Điểm từ Đạt trở lên		Ghi chú
				0 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Nguyễn Nhật Linh	C3	39	0	0.0	39	100.0	0	0.0	0	0.00	39	100	
2	Nguyễn Hồng Diễm	B3	35	0	0.0	35	100.0	0	0.0	0	0.00	35	100	
3	Phạm Thị Trang	C4	28	0	0.0	11	39.3	15	53.6	2	7.14	65	98.48	
		A2	38	1	2.6	27	71.1	8	21.1	2	5.26			
4	Hoàng Công Sùng	B1	42	0	0.0	42	100.0	0	0.0	0	0.00	42	100.00	
5	Đặng Minh Thương	B4	35	0	0.0	35	100.0	0	0.0	0	0.00	35	100.00	
6	Tòng Minh Hòa	A3	38	0	0.0	38	100.0	0	0.0	0	0.00	38	100.00	
7	Lương Thu Trang	A1	41	0	0.0	41	100.0	0	0.0	0	0.00	41	100.00	
8	Trần Thị Thuỳ	A4	36	0	0.0	36	100.0	0	0.0	0	0.00	36	100.00	
9	Tòng Văn Phương	A5	31	0	0.0	31	100.0	0	0.0	0	0.00	31	100	
10	Trần Thị Hiếu	C4	28	0	0.0	28	100.0	0	0.0	0	0.00	28	100	
11	Vũ Văn Đông	C1	32	0	0.0	32	100.0	0	0.0	0	0.00	68	100	
		C2	36	0	0.0	36	100.0	0	0.0	0	0.00			
Tổng		K10	184	1	0.5	173	94.0	8	4.3	2	1.09	183	99.46	
		K11	112	0	0.0	112	100.0	0	0.0	0	0.00	112	100.00	
		K12	135	0	0.0	118	87.4	15	11.1	2	1.48	135	100.00	
		TT	431	1	0.2	403	93.5	23	5.3	4	0.93	430	99.77	

Nhóm Trưởng CM

Ng. Nhật Linh

Tổ Trưởng CM

Vũ Kiên Cường



BAN GIÁM HIỆU

Nguyễn Trọng Trung

TRƯỜNG THPT MƯỜNG NHÀ
TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BÁO CÁO CHẤT LƯỢNG MÔN HỌC
Năm học: 2024 - 2025

Môn: GDDP

STT	Họ và Tên	Lớp	Tổng Số HS	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		Điểm từ Đạt trở lên		Ghi chú
				0 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Chu Công Diễm	C1	36	0	0.0	36	100.0	0	0.0	0	0.0	68	100	
		C2	32	0	0.0	32	100.0	0	0.0	0	0.0			
2	Nguyễn Trọng Trung	A1	41	0	0.0	41	100.0	0	0.0	0	0.0	79	100	
		A2	38	0	0.0	38	100.0	0	0.0	0	0.0			
3	Lò Văn Hào	B1	42	0	0.0	42	100.0	0	0.0	0	0.0	84	100	
		B2	42	0	0.0	42	100.0	0	0.0	0	0.0			
4	Nguyễn Việt Khánh	A3	38	0	0.0	38	100.0	0	0.0	0	0.0	74		
		A4	36	0	0.0	36	100.0	0	0.0	0	0.0			
5	Tòng Văn Phương	B3	35	0	0.0	35	100.0	0	0.0	0	0.0	101	100	
		B4	35	0	0.0	35	100.0	0	0.0	0	0.0			
		A5	31	0	0.0	31	100.0	0	0.0	0	0.0			
6	Trần Thị Liên	C3	39	0	0.0	39	100.0	0	0.0	0	0.0	39	100	
7	Trần Thị Hiếu	C4	28	0	0.0	28	100.0	0	0.0	0	0	28	100	
Tổng		K10	184	0	0.0	184	100.0	0	0.0	0	0	184	100	
		K11	154	0	0.0	154	100.0	0	0.0	0	0	154	100	
		K12	135	0	0.0	135	100.0	0	0.0	0	0	135	100	
		TT	473	0	0.0	473	100.0	0	0.0	0	0	473	100	

Nhóm Trưởng CM

Lo Van Hao

Tổ Trưởng CM

Vũ Kim Cường




BẢN GIÁM HIỆU

Nguyễn Trọng Trung


Môn: Công nghệ

STT	Họ và Tên	Lớp	Tổng Số HS	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		Điểm từ Đạt trở lên		Ghi chú
				0 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Thào A Sùng	A1	41	0	0.0	16	39.0	22	53.7	3	7.32	230	99.57	
		A2	38	0	0.0	16	42.1	21	55.3	1	2.63			
		B1	42	0	0.0	18	42.9	24	57.1	0	0.00			
		B2	42	0	0.0	22	52.4	20	47.6	0	0.00			
		C1	36	0	0.0	1	2.8	23	63.9	12	33.33			
		C2	32	1	3.1	0	0.0	22	68.8	9	28.13			
Tổng		K10	79	0	0.0	32	40.5	43	54.4	4	5.06	79	100.00	
		K11	84	0	0.0	40	47.6	44	52.4	0	0.00	84	100.00	
		K12	68	1	1.5	1	1.5	45	66.2	21	30.88	67	98.53	
		TT	231	1	0.4	73	31.6	132	57.1	25	10.82	230	99.57	

Nhóm Trưởng CM


Thào A Sùng

Tổ Trưởng CM


Vũ Kiên Cường

BAN GIÁM HIỆU




Nguyễn Trọng Trung

TRƯỜNG THPT MUỜNG NHÀ
TỔ KHOA HỌC XÃ HỘI

BÁO CÁO CHẤT LƯỢNG MÔN HỌC
Năm học: 2024 - 2025

Môn: GDQP

STT	Họ và Tên	Lớp	Tổng Số HS	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		Điểm từ Đạt trở lên		Ghi chú
				0 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Nguyễn Nhật Linh	C1	36	0	0.0	0	0.0	29	80.6	7	19.44	474	98.75	
		C3	39	0	0.0	0	0.0	29	74.4	10	25.64			
		B2	44	1	2.3	0	0.0	41	93.2	2	4.55			
		B3	35	0	0.0	0	0.0	32	91.4	3	8.57			
		C2	32	0	0.0	0	0.0	23	71.9	9	28.13			
		A2	38	0	0.0	6	15.8	30	78.9	2	5.26			
		B1	47	5	10.6	0	0.0	37	78.7	5	10.64			
		B4	35	0	0.0	0	0.0	32	91.4	3	8.57			
		A3	38	0	0.0	0	0.0	38	100.0	0	0.00			
		A1	41	0	0.0	0	0.0	39	95.1	2	4.88			
		A4	36	0	0.0	0	0.0	36	100.0	0	0.00			
		A5	31	0	0.0	0	0.0	31	100.0	0	0.00			
		C4	28	0	0.0	0	0.0	24	85.7	4	14.29			
Tổng		K10	184	0	0.0	6	3.3	174	94.6	4	2.17	184	100.00	
		K11	161	6	3.7	0	0.0	142	88.2	13	8.07	155	96.27	
		K12	135	0	0.0	0	0.0	105	77.8	30	22.22	135	100.00	
		TT	480	6	1.3	6	1.3	421	87.7	47	9.79	474	98.75	

Nhóm Trưởng CM

Linh
Ng Nhật Linh

Tổ Trưởng CM

Nguyễn Thị Hải



TRƯỜNG THPT MƯỜNG NHÀ
TỔ KHOA HỌC XÃ HỘI

BÁO CÁO CHẤT LƯỢNG MÔN HỌC

Năm học: 2024 - 2025

Môn: Thể dục

STT	Họ và Tên	Lớp	Tổng Số HS	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		Điểm từ Đạt trở lên		Ghi chú
				0 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10		5 <= Điểm <= 10		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Vũ Văn Tuấn	C1	36	0	0.0	36	100.0	0	0.0	0	0	214	100.00	
		C2	32	0	0.0	32	100.0	0	0.0	0	0			
		C3	39	0	0.0	39	100.0	0	0.0	0	0			
		C4	28	0	0.0	28	100.0	0	0.0	0	0			
		A1	41	0	0.0	41	100.0	0	0.0	0	0			
		A2	38	0	0.0	38	100.0	0	0.0	0	0			
2	Lò Văn Hào	A3	38	0	0.0	38	100.0	0	0.0	0	0	259	100.00	
		A4	36	0	0.0	36	100.0	0	0.0	0	0			
		A5	31	0	0.0	31	100.0	0	0.0	0	0			
		B1	42	0	0.0	42	100.0	0	0.0	0	0			
		B2	42	0	0.0	42	100.0	0	0.0	0	0			
		B3	35	0	0.0	35	100.0	0	0.0	0	0			
		B4	35	0	0.0	35	100.0	0	0.0	0	0			
Tổng		K10	188	0	0.0	188	100.0	0	0.0	0	0	188	100.00	
		K11	141	0	0.0	141	100.0	0	0.0	0	0	141	100.00	
		K12	144	0	0.0	144	100.0	0	0.0	0	0	144	100.00	
		TT	473	0	0.0	473	100.0	0	0.0	0	0	473	100.00	

Nhóm Trưởng CM

Hào
Lò Văn Hào

Tổ Trưởng CM

Ưk
Nguyễn Phú Cường



BAN GIÁM HIỆU

Nguyễn Trọng Trung

SỞ GD&ĐT ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MUỒNG NHÀ

BÁO CÁO CHẤT LƯỢNG MÔN HỌC
Năm học: 2024 - 2025

STT	Họ và Tên	Môn dạy	Lớp	Tổng số	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		Từ đạt trở lên		Ghi chú
					SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
1	Trần Thị Liên	Toán	C1,3	75	3	4.0	17	22.7	48	64.0	7	9.3	72	96.00	
2	Vũ Kiên Cường		C2, B1, B3	109	10	9.2	60	55.0	36	33.0	3	2.8	99	90.83	
3	Nguyễn Việt Khánh		A1, A4, B4	112	8	7.1	63	56.3	39	34.8	2	1.8	104	92.86	
4	Tùng Minh Hòa		A3,5, B2	111	6	5.4	67	60.4	37	33.3	1	0.9	105	94.59	
5	Phạm Thị Trang		A2; C4	66	1	1.5	38	57.6	23	34.8	4	6.1	65	98.48	
6	Vũ Văn Đông	Lý	A1,2; C3,4	146	1	0.7	64	43.8	74	50.7	7	4.8	145	99.3	
7	Hoàng Công Sùng		B1,2	84	3	3.6	34	40.5	47	56.0	0	0.0	81	96.43	
8	Trần Thị Hiếu	Hóa	C4; A3,4,5	133	24	18.0	55	41.4	53	39.8	1	0.8	109	81.95	
9	Tùng Văn Phương		B3, B4	70	3	4.3	37	52.9	29	41.4	1	1.4	67	95.71	
10	Ngô Quốc Ngọc	Sinh	K10, K11, C1,2,4	434	23	5.3	160	36.9	190	43.8	61	14.1	74	17.05	
11	Nguyễn Hồng Diễm	Văn	C4, B1, B4	105	0	0.0	86	81.9	18	17.1	1	1.0	105	100.00	
12	Trần Thị Thuỳ		A4; A5; C1	103	12	11.6	62	60.2	29	28.2	0	0.0	91	88.30	
13	Trần Thị Vân Anh		C2, A2, B3, B2	147	8	5.4	111	75.5	25	17.0	3	2.0	139	94.56	
14	Tùng Thị Thu Hoài		A1,3 C3	118	17	14.4	55	46.6	44	37.3	2	1.7	101	85.59	
15	Nguyễn Thị Cảnh	Sử	C1,2,3,4	135	1	0.7	37	27.4	82	60.7	15	11.1	134	99.26	
16	Lương Thu Trang		K10; K11	338	0	0.0	117	34.6	202	59.8	19	5.6	338	100.00	
17	Lò Thị Dung	Địa	K10, K11, K12	282	23	8.2	99	35.1	151	53.5	9	3.2	259	91.84	
18	Vũ Thị Huyền	T. anh	B1,2,3,4, C2,3	225	5	2.2	159	70.7	60	26.7	1	0.4	220	97.78	
19	Nguyễn Tiêu Phong		C1,4, A1,2,3,4,5	248	5	2.0	159	64.1	80	32.3	4	1.6	243	97.98	
20	Đặng Minh Thương	Tin	A3,B3,4,C3,4	175	0	0.0	27	15.4	139	79.4	9	5.1	175	100.00	
21	Cà Mai Tân		A4,5	67	0	0.0	4	6.0	60	89.6	3	4.5	67	100.00	
22	Thào A Sùng	C. Nghệ	A1,2; B1,2;C1,2	231	1	0.4	73	31.6	132	57.1	25	10.8	230	99.57	
23	Sùng A Sênh	KTPL	B1,2; C1,2,3	191	2	1.0	21	11.0	132	69.1	36	18.8	189	98.95	
24	Tùng Thị Thu Hoài		A1,2	79	6	7.6	37	46.8	36	45.6	0	0.0	73	92.41	

Người lập biểu


Vũ Kiên Cường

Ban Giám Hiệu




Nguyễn Trọng Trung

T T	Họ và Tên	Lớp	Số số	Kết quả học tập								Kết quả rèn luyện								Học tập từ Đạt trở lên		Rèn luyện từ Đạt trở lên		Ghi chú
				Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt						
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1		10A1	41	2	4.9	19	46.3	20	48.8	0	0.0	37	90.2	4	9.8	0	0.0	0	0.0	41	100.0	41	100.0	
2	Thào A Sùng	10A2	38	1	2.6	12	31.6	25	65.8	0	0.0	26	68.4	8	21.1	1	2.6	3	7.9	38	100.0	35	92.1	
3	Tùng Minh Hòa	10A3	38	0	0.0	13	34.2	23	60.5	3	7.9	15	39.5	17	44.7	5	13.2	1	2.6	36	94.7	37	97.4	
4	Trần Thị Thủy	10A4	36	0	0.0	11	30.6	21	58.3	4	11.1	15	41.7	8	22.2	9	25.0	0	0.0	36	100.0	36	100.0	
5	Tùng Văn Phương	10A5	31	0	0.0	6	19.4	23	74.2	2	6.5	5	16.1	16	51.6	6	19.4	4	12.9	29	93.5	27	87.1	
Tổng khối 10			184	3	1.6	61	33.2	112	60.9	9	4.9	98	53.3	53	28.8	21	11.4	8	4.3	176	95.7	121	65.8	
7	Hoàng Công Sùng	11B1	42	0	0.0	13	31.0	29	69.0	0	0.0	26	61.9	15	35.7	1	2.4	0	0.0	42	100.0	42	100.0	
8	Sùng A Sính	11B2	42	0	0.0	20	47.6	22	52.4	0	0.0	26	61.9	10	23.8	6	14.3	0	0.0	42	100.0	42	100.0	
9	Trần Thị Vân Anh	11B3	35	1	2.9	13	37.1	21	60.0	0	0.0	12	34.3	15	42.9	2	5.7	6	17.1	35	100.0	29	82.9	
10	Đặng Minh Thương	11B4	35	0	0.0	11	31.4	22	62.9	2	5.7	21	60.0	10	28.6	4	11.4	0	0.0	33	94.3	35	100.0	
Tổng khối 11			154	1	0.6	57	37.0	94	61.0	2	1.3	85	55.2	50	32.5	13	8.4	6	3.9	152	98.7	96	62.3	
11	Nguyễn Tiểu Phong	12C1	36	5	13.9	30	83.3	1	2.8	0	0.0	30	83.3	5	13.9	1	2.8	0	0.0	36	100.0	36	100.0	
12	Vũ Thị Huyền	12C2	32	2	6.3	23	71.9	6	18.8	1	3.1	27	84.4	4	12.5	1	3.1	0	0.0	31	96.9	32	100.0	
13	Trần Thị Liên	12C3	39	1	2.6	24	61.54	14	35.9	0	0.0	28	71.8	7	17.9	4	10.3	0	0.0	39	100.0	39	100.0	
14	Trần Thị Hiếu	12C4	28	1	3.6	23	82.1	4	14.3	0	0.0	26	92.9	2	7.1	0	0.0	0	0.0	28	100.0	28	100.0	
Tổng khối 12			135	9	6.7	100	74.07	25	18.5	1	0.7	111	82.2	18	13.3	6	4.4	0	0.0	134	99.3	135	100.0	
Tổng toàn trường			473	13	2.7	218	46.09	231	48.84	12	2.54	294	62.2	121	25.6	40	8.5	14	3.0	462	97.7	455	96.2	

NGƯỜI LẬP BIỂU

Vũ Kiên Cường

HIỆU TRƯỞNG
KT HIỆU TRƯỞNG
HIỆU TRƯỞNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THPT MƯỜNG NHẢ
H. ĐIỆN BIÊN

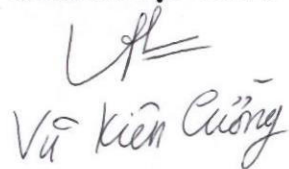
Nguyễn Trọng Trung

SỞ GD&ĐT ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MƯỜNG NHÀ

THỐNG KÊ SỐ LIỆU CHUNG HỌC
Năm học: 2024 - 2025

TT	Họ và Tên	Lớp	Theo dõi sĩ số					Học nghề PT	Giới tính		Học sinh dân tộc		Học sinh bán trú		Học sinh ở nội trú		Ghi chú
			Đầu năm	Cuối năm học	Bỏ học	Chuyển đi	Chuyển đến		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	
1	Vũ Văn Tuấn	10A1	44	41	2	1	0	0	21	20	21	20	7	2	9	3	
2	Thào A Sùng	10A2	45	38	7	0	0	0	22	16	21	16	11	8	12	6	
3	Tòng Minh Hòa	10A3	39	38	2	0	1	0	27	11	27	11	10	2	13	7	
4	Trần Thị Thuỳ	10A4	39	36	2	1	0	0	21	15	21	15	15	13	4	6	
5	Tòng Văn Phương	10A5	41	31	10	0	0	0	27	4	27	4	19	3	4	1	
Tổng khối 10			208	184	23	2	1	0	118	66	117	66	62	28	42	23	
7	Hoàng Công Sùng	11B1	47	42	5	0	0	0	19	23	19	23	8	11	8	8	
8	Sùng A Sênh	11B2	44	42	2	0	0	0	23	19	23	19	4	4	4	4	
9	Trần Thị Vân Anh	11B3	38	35	3	0	0	0	25	10	31	8	7	3	12	4	
10	Đặng Minh Thương	11B4	39	35	4	0	0	0	27	8	27	8	15	2	6	6	
Tổng khối 11			168	154	14	0	0	0	94	60	100	58	34	20	30	22	
12	Nguyễn Tiểu Phong	12C1	36	36	0	0	0	0	13	23	13	21	3	0	2	0	
13	Vũ Thị Huyền	12C2	34	32	2	0	0	0	15	17	15	17	13	15	6	8	
14	Trần Thị Liên	12C3	39	39	0	0	0	0	28	11	28	11	16	8	7	4	
15	Trần Thị Hiếu	12C4	28	28	0	0	0	0	21	7	20	7	14	7	4	4	
Tổng khối 12			137	135	2	0	0	0	77	58	76	56	46	30	19	16	
Tổng toàn trường			513	473	39	2	1	0	289	184	293	180	142	78	91	61	

NGƯỜI LẬP BIỂU


Vũ Kiên Cường



Nguyễn Trọng Trung